

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2021.

(Về việc: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Ngô Trung Tính

+ Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15B/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1994.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn D**, sinh năm 1992.

Cùng ĐKTT tại: Xóm K, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã X), huyện K, tỉnh Hòa Bình vào ngày 05/4/2016. Cuộc sống chung sau kết hôn diễn ra bình thường, có hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì vợ chồng tH xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tập trung kinh tế, anh D tH xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong suốt thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Bùi Thị

H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Bùi Văn D.

Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn D có 01 con chung là Bùi Thị Kiều T, sinh ngày 16/5/2013. Từ khi vợ chồng ly thân anh D không chu cấp cho chị nuôi con. Nên ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Kiều T và chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản và nợ chung, nên không đề nghị Tòa xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn D:

Anh Bùi Văn D đã được Tòa án triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Do đó Tòa án không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để anh D biết nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị H, anh D cư trú. Kết quả xác minh cho thấy: Chị H và anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Khót, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình và sống chung với bố mẹ chị H. Quá trình cư trú tại địa phương chính quyền địa phương cho biết: Quá trình chung sống chị H và anh D tH xuyên cãi vã, đã có lần anh D đánh chị H. Nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh D tH xuyên say rượu, không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho gia đình vợ con, có đi làm phụ hồ nhưng không thường xuyên về nhà nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay anh D đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà thăm con nhưng lại đi luôn, giấu địa chỉ nên không biết chính xác địa chỉ ở đâu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

- **Về tố tụng :** Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:**

Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H; xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn D.

Về con chung: Giao con chung Bùi Thị Kiều T, sinh ngày 16/5/2013 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Văn D đến khi anh chị có thỏa thuận khác hoặc có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 buộc chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn D đã được triệu tập hợp lệ để ghi lời khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập mà không có lý do. Tòa án đã xác minh tại nơi cư trú của anh Bùi Văn D, tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 227 và bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn D khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã X), huyện K, tỉnh Hòa Bình vào ngày 05/4/2016. Do vậy hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn D được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không chịu khó làm ăn, tH xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực gia đình. Mặc dù chị H và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Tại Tòa án, chị H đã nhiều lần liên lạc với anh D về việc muốn ly hôn, yêu cầu anh D về để giải quyết ly hôn nhưng anh D không về đề nghị chị H giải quyết ly hôn đơn phương theo quy định của pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Mặt khác, anh D biết việc chị H nộp đơn xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để thể hiện ý kiến của mình, điều này chứng tỏ anh D cũng không mong muốn được hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn D của chị Bùi Thị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn D có 01 con chung là Bùi Thị Kiều T, sinh ngày 16/5/2013. Chị Bùi Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy cháu Bùi Thị Kiều T đã trên 7 tuổi, Tòa án tiến hành lấy lời khai của, nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ. Chị H là người trực tiếp nuôi con trong suốt thời gian ly thân, có công việc thu nhập đảm bảo và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi cũng như ổn định cuộc sống của con, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Bùi Thị Kiều T, sinh ngày 16/5/2013 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án là đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, thu nhập của chị H đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nên HĐXX tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Bùi Văn D cho đến khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H về việc xin ly hôn với anh Bùi Văn D.

Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn D.

2. Về con chung:

Giao con là Bùi Thị Kiều T, sinh ngày 16/5/2013 cho chị Bùi Thị H trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Bùi Văn D cho đến khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Anh D được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000619 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình chuyển thành án phí cho chị H.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Đà Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Trường - Ngô Trung Tính

Nguyễn Thị Đà Giang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã X – K – Hòa Bình *(Nơi đăng ký kết hôn ngày 05/4/2016)*;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Đà Giang